TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108**/2026/HS-ST
Ngày: 20-05-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi

Bà Nguyễn Thị Xim

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 04 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 110/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1977, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp; Số CCCD: 082 077 003 171; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1946 (đã chết); Bị cáo đã ly hôn vợ và có 01 con (sinh năm 1997), hiện đang sống chung như vợ chồng với bị cáo Thị B. Tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam Bình Phước.

2. Họ và tên: **Thị B**, sinh năm 1976, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Nai; Số CCCD: 070 176 006 512; Nghề nghiệp: không có; Trình độ học vấn: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: S'Tiêng; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điểu K (không rõ năm sinh) và bà Thị T1, sinh năm 1951; Bị cáo có chồng là Điểu M (đã chết) và có 05 người con (04 con ruột và 01 con nuôi, sinh năm 1995 - 2003), hiện bị cáo đang sống chung như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Hoàng T; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp

dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam Bình Phước.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1977 và Thị B, sinh năm 1976, chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà của Thị B (khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Nai). Vào khoảng đầu tháng 07/2025, T biết Điểu V, sinh năm 1997, sử dụng ma túy và biết chỗ mua nên nhờ V mua ma túy cho T để T chia nhỏ vừa để sử dụng và đưa cho B cất giấu tại nhà, bán lại kiếm tiền lời, số tiền có được để chi tiêu ăn uống và chi phí sinh hoạt trong gia đình. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 7/2025 (không rõ ngày) Điểu T2, sinh năm 2004, đến nhà B chơi thì gặp T và hỏi T mua 200.000 đồng ma túy đá. T đi vào phòng ngủ lấy 01(một) đoạn ống hút chứa ma túy đá đưa cho T2 và Thể tra cho T 200.000 đồng.

Lần thứ hai và thứ ba: Vào các ngày 31/07/2025 và 03/8/2025, Hồ H, sinh năm 1995, đi đến nhà hỏi mua của B 200.000 đồng ma túy đá. Cả hai lần, B đi vào phòng ngủ lấy ra 01(một) đoạn ống hút chứa ma túy đá đem ra đưa cho H và H đều trả cho B 200.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 02/8/2025, Điểu V1, sinh năm 1993, đi đến nhà B hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, B lấy 01 (một) đoạn ống hút chứa ma túy đá đưa cho V1 và V1 trả tiền cho B.

Lần thứ năm: Ngày 05/08/2025, Điểu T2, sinh năm 2004, đi đến nhà B hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, lúc này T2 không có tiền mặt nên đưa cho B cầm 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh hẹn khi có tiền sẽ quay lại lấy điện thoại và trả tiền mua ma túy thì B đồng ý. B đi vào trong nhà lấy 01 (một) đoạn ống hút chứa ma túy đưa cho T2 rồi T2 đi về.

Ngày 07/08/2025 (khoảng 14 giờ 30 phút) T nói B đưa 500.000 đồng cho T đi mua ma túy về tiếp tục bán thì B đồng ý rồi đưa tiền cho T. Sau khi mua được ma túy, T lấy ra một phần ma túy cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy (nỏ), phần còn lại để vào bao thuốc lá hiệu HB cất tại đầu giường trong phòng ngủ rồi T đốt nóng nỏ để hút ma túy. Do ma túy trong nỏ còn nên T cất đi để lần sau sử dụng tiếp. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày 07/08/2025, Cơ quan Công an kiểm tra hành chính nhà của B, phát hiện 01 (một) đoạn ống hút hàn kín hai đầu kích thước (6,3 x 2)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, mở rộng khám xét phát hiện thêm 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, bên trong chứa tinh thể màu nâu. Công an đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với T, B và thu giữ vật chứng.

Theo Kết luận giám định số 1533 ngày 10/8/2025, của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Tinh thể màu trắng ký hiệu M1 bên trong 01 (một) đoạn ống nhựa hàn kín được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 2,0473 gam (Hai phẩy không bốn bảy ba gam); Chất màu nâu ký hiệu M2 bên trong nỏ thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,1360 gam (Không phẩy một ba sáu gam).
Quá trình điều tra, T, B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSNDKV9, ngày 14/04/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 251 BLHS và điểm c, khoản 1, Điều 249 BLHS. Truy tố bị cáo Thị B phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 251 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T mức án từ 07 năm – 08 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*

Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249 BLHS điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T mức án từ 03 năm – 03 năm 06 tháng tù về tội*"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp thành hình phạt chung buộc bị cáo T phải chấp hành.

-Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 251 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thị B mức án từ 07 năm – 08 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*

Về vật chứng vụ án:

Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy: 01(một) túi niêm phong bên ngoài ghi "Mẫu vật hoàn lại vụ số M1; 01 (một) túi niêm phong bên ngoài ghi "Mẫu vật hoàn lại vụ số M2; 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-2122076; 01 (một) kéo kim loại dài 16 cm; 01 hộp giấy trắng đen có nhiều họa tiết kích thước (17x11x12)cm; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế.

Đề nghị tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Redmi, màu xanh là tài sản của Điểu T2 sử dụng để gán nợ tiền mua Ma túy cho Thị B;

Đề nghị tuyên trả lại cho Thị B 01 (một) điện thoại di động Vivo, màu xanh tím; trả lại cho Nguyễn Hoàng T 01 (một) điện thoại di động Samsung, màu đen.

Tuyên truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 800.000 đồng là tiền thu lợi từ việc bán ma túy của bị cáo Thị B, Nguyễn Hoàng T.

Số tiền còn lại tuyên quản thủ đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo T và Thị B.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Thị B tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 14/04/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã truy tố đối với các bị cáo. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản kiểm tra hành chính, biên bản khám xét, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, phù hợp với bản Kết luận giám định số 1533 ngày 10/8/2025, của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, phương tiện phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 7/2025 đến ngày 05/8/2025, Nguyễn Hoàng T và Thị B đã nhiều lần mua và bán ma túy loại Methamphetamine (ma túy đá) cho các con nghiện là Điểu Ven (01 lần); Điểu T2 (02 lần) và Hồ H (02 lần). Ngoài ra, ngày 07/8/2025, Nguyễn Hoàng T, Thị B còn có hành vi mua ma túy loại Methamphetamine về bán kiếm lời và sử dụng; Nguyễn Hoàng T còn có hành vi tàng trữ 0,1360 gam ma túy loại Methamphetamine mục đích để sử dụng tại nhà của Thị B thuộc khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) thì bị kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Hành vi các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Thị B thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 251

của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Hoàng T tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy; tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song vì mục đích tư lợi cá nhân (kiếm tiền tiêu xài) và để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội (nghiện hút, trộm cắp, cướp giật…) gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng và sự phát triển lành mạnh của con người. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3]. Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giảm đơn, các bị cáo không có sự phân công bàn bạc từ trước. Bị cáo T là con nghiện đã mua ma túy về sử dụng và khi có con nghiện khác hỏi mua thì chia ra bán lấy tiền cho Thị B1 mua đồ ăn. Bị cáo Thị B cũng vì hoàn cảnh khó khăn, nhà nghèo, đông con, cha chồng ốm đau không có tiền và thấy bị cáo T có ma túy, bán ma túy nên khi thấy các con nghiện hỏi mua bị cáo đã bán để lấy tiền mua đồ ăn. Các bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Thị B là người dân tộc ít người; các bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn (không có nghề nghiệp ổn định, đông con, cha mẹ ốm đau); Trình độ văn hóa của các bị cáo thấp (0/12- 01/12) nên nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục các bị cáo.

[6]. Các vấn đề khác và vật chứng vụ án:

Đối với bị can T khai vào đầu tháng 7/2025 và các ngày 31/7/2025, ngày 07/8/2025, bị can T nhờ Điểu V mua giúp ma túy đá để bị can T vừa sử dụng và bán kiếm lời. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã xác định, ngoài lời khai của bị can T

thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh việc Vũ giúp bị can T mua ma túy nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý V trong vụ án; Viện kiểm sát cũng không đề cập việc xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Điểu V1, Điểu T2, Hồ H là người mua ma túy của bị can B và bị can T nhằm mục đích sử dụng. Quá trình điều tra xác định các đối tượng không bị xử lý về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 256a nên Cơ quan điều tra xử phạt hành chính đối với Điểu V1, Điểu T2, Hồ H theo quy định nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét

Quá trình điều tra xác định Thị B và Nguyễn Hoàng T bán ma túy 04 lần cho các con nghiện và thu lợi số tiền là 800.000 đồng, đây là số tiền thu từ hành vi vi phạm pháp luật nên cần tuyên truy thu của các bị cáo để nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với các vật chứng vụ án, gồm: 01(một) túi niêm phong bên ngoài ghi: Mẫu vật hoàn lại vụ số M1; 01 (một) túi niêm phong bên ngoài ghi: Mẫu vật hoàn lại vụ số M2; 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-2122076; 01 (một) kéo kim loại dài 16 cm; 01 hộp giấy trắng đen có nhiều họa tiết kích thước (17x11x12)cm; 01(một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế (gồm 01ly thủy tinh gắn vào đầu chai nhựa, nắp chai màu đen, đỏ, trên nắp chai có hai lỗ tròn gắn một đoạn ống hút dài 15cm, một nỏ thủy tinh chứa tinh thể rắn màu nâu). Đây là các vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động Redmi, màu xanh là tài sản của Điểu T2 sử dụng để gán nợ cho Thị B tiền mua ma túy nên cần tuyên tịch thu nộp Ngân sách nhà nước;

Đối với 01 (một) điện thoại di động Vivo, màu xanh tím (thu giữ của Thị B); 01 (một) điện thoại di động Samsung, màu đen (thu giữ của Nguyễn Hoàng T). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định không có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả cho Thị B và Nguyễn Hoàng T.

Đối với số tiền 753.000 đồng (thu giữ của Thị B) và số tiền 603.000 đồng (thu giữ của Nguyễn Hoàng T). Cần tuyên quản thủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo T và Thị B.

[7] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hoàng T và Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Bị cáo Thị B phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*

2. Về hình phạt:

-Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T mức án 07 (bảy) năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*

Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T mức án 03 (ba) năm tù về tội*"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp thành hình phạt chung buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chấp hành **10 (mười)** năm Tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2025

-Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thị B mức án **07 (bảy)** năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* . Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2025

3. **Về vật chứng vụ án**: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tuyên truy thu của các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Thị B để nộp Ngân sách nhà nước số tiền là 800.000 đồng.

Tuyên quản thủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo T và Thị B đối với số tiền 753.000 đồng (thu giữ của Thị B) và số tiền 603.000 đồng (thu giữ của Nguyễn Hoàng T).

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Redmi, màu xanh là tài sản của Điểu T2 sử dụng để gán nợ cho Thị B tiền mua ma túy.

T3 trả cho Thị B 01 (một) điện thoại di động Vivo, màu xanh tím và trả lại cho Nguyễn Hoàng T 01 (một) điện thoại di động Samsung, màu đen.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01(một) túi niêm phong bên ngoài ghi: Mẫu vật hoàn lại vụ số M1; 01 (một) túi niêm phong bên ngoài ghi: Mẫu vật hoàn lại vụ số M2; 01 (một) túi niêm phong mã số PS3-2122076; 01 (một) kéo kim loại dài 16 cm; 01 hộp giấy trắng đen có nhiều họa tiết kích thước (17x11x12)cm; 01(một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế (gồm 01ly thủy tinh gắn vào đầu chai nhựa, nắp chai màu đen, đỏ, trên nắp chai có hai lỗ tròn gắn một đoạn ống hút dài 15cm, một nỏ thủy tinh chứa tinh thể rắn màu nâu).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 117 ngày 04/05/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Đồng Nai).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T và Thị B mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 9 -Đồng Nai (1);
- THADS thành phố Đồng Nai (1);
- CQCSĐT CA thành phố Đồng Nai (3);
-Phòng PV06 CA thành phố Đồng Nai (1);
- Phòng PC10 CA thành phố Đồng Nai (1);
- Người tham gia tố tụng (3);
- Thi hành án hình sự (3);
- Lưu HSVA, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương